

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	610	TJUNG	7:25	18	0	14	0		
2	427	TD1+TD2	7:25	18+4	0+0	16+0	0+0	CHUYEN 1 PAX TD1-TD2	
3	846	RCDM+RC4+RC3	7:25	5+8+9	0+0+0	5+5+12	0+0+0		
4	426	CLO+RP1	7:25	7+15	0+0	6+16	0+0		
5	427	PPD+JS2-CLO+RP2	9:25	11+7+4	0+0+0	0+14+8	0+0+0	CHUYEN 1 PAX PPD-JS2	
6	846	RC5+RP2	9:25	8+14	0+0	8+14	0+0		
7	426	BK10+RP3	9:25	5+17	0+0	0+20	0+0		
8	427	RP2	11:25	22	0	22	0		
9	846	RP1+RC6	11:25	12+10	0+0	10+12	0+0		
10	426	TTC3+RP3	11:25	9+13	0+0	0+13	0+0		

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:27
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Thanh - CÔNG	ETA: 10:35
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM GIÁP TRÍ	BK THIE	12-13	2	14		82	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN MINH TÂM	BK THIE	08	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	DUƠNG VĂN THÔNG	BK THIE	05	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ ĐÌNH HUY	BK THIE	16	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN CUÔNG	BK THIE	02	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM SINH	BK THIE	03	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY DU	BK THIE	07	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
8	TẶNG MẠNH HÀ	BK THIE	14-15	2	8		73	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỒNG QUANG	BK THIE	09	1	4	60	76	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ANH TUẤN	BK THIE	04	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG KIẾN	BK THIE	06	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ HÙNG TUẤN	BK THIE	10	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN MINH TUẤN	BK THIE	19	1	10	17	65	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN HIỆP THANH	BK THIE	21	1	7		85	CODIEN	Vietnamese
15	HÀ MẠNH HOÀNG	BK THIE	20	1	7		66	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN KHÁC THÔNG	BK THIE	17-18	2	12		68	CODIEN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HOÀ	BK THIE	01	1	8		61	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN SƠN	BK THIE	11	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	18	21	116	1.257	77	14		
	TOTAL	18	21	116	1.257	77	14		
	WEIGHT KG			116	1.257	77			

GRAND TOAL: 1.450 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2018	TO: TD1 - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN LUAN	TD1	20	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
2	BUI CONG MINH	TD1	25	1	9		63	NHA THAU	Vietnamese
3	SMAKOV A.A	TD1	22	1	9		70	KHOAN	Russian
4	TRAN MANH HUNG	TD1	94	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DINH NAM	TD1	96	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG HUNG	TD1	23	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN THANH TUAT	TD1	200	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
8	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	24	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
9	NINH DUC THUAT	TD1	36	1	6	7	65	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN HUY QUANG	TD1	21	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUANG LUONG	TD1	95	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN MANH TIEP	TD1	80	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
13	DUONG VAN TUAN	TD1	97	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN HOAN	TD1	37	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
15	VU QUY VINH	TD1	89	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
16	LE VIET THANH	TD1	93	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN ANH VINH	TD1	98-99	2	13		60	DVL	Vietnamese
18	PHAN THANH TAI	TD1	300	1	6		60	DVL	Vietnamese
19	NHAM DUC TUAN	TD2	02	1	11		70	DVL	Vietnamese
20	VU DINH TUAN	TD2	01	1	13		83	DVL	Vietnamese
21	CU NGOC HONG	TD2	03	1	7		80	DVL	Vietnamese
22	TRAN VAN THUAT	TD2	04-05	2	18		72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	19	114	1.213	7	16	7	CHUYEN 01 PAX TU TD1 - TD2
2	TD2	4	5	49	305	0	2		
TOTAL		22	24	163	1.518	7	18		
WEIGHT KG				163	1.518	7			

GRAND TOAL: 1.681 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09-Apr-18	TO: RCDM - RC4 - RC3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - MQUAN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM XUAN VINH PHUC	RCDM	63	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO DAC TOAN	RCDM	62	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUOC VIET	RCDM	61	1	5	35	73	KH-THAC	Vietnamese
4	DANG MINH DUNG	RCDM	64	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
5	HO TRONG BANG	RCDM	65	1	6		70	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG MINH	RC4	33	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC TAN	RC4	51	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VAN CONG	RC4	99	1	5	35	80	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU TIEN BINH	RC4	50	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG KHANG	RC4	300	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM XUAN TRUONG	RC4	49	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH TUAN	RC4	48	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI VAN TUONG	RC4	18	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN ĐUC HAI	RC3	22	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO TUAN ANH	RC3	20-21	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN VIET	RC3	15	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TAN HONG	RC3	13	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	LE CONG AN	RC3	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC HUNG	RC3	19	1	9	40	61	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN ANH TIEN	RC3	16-17	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN MINH NGOC	RC3	18	1	8		88	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐINH VAN GIANG	RC3	12	1	5		72	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	5	5	26	339	35	5		
2	RC4	8	8	56	560	35	5		
3	RC3	9	11	82	618	40	12		
TOTAL		22	24	164	1.517	110	22		
WEIGHT KG				164	1.517	110			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2018	TO: CLO - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN KHOA	CLO	96	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
2	CHEPKO V.V	CLO	54	1	9		85	KHOAN	Russian
3	NGUYEN DUY QUANG	CLO	93-95	3	20		92	YTE	Vietnamese
4	PHAN QUANG HIEN	CLO	55	1	7	5	65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH HUNG	CLO	97	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH XUAN PHU	CLO	53	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
7	BUI XUAN DUY	CLO	92	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
8	MAMEDOV.	RP1	34	1	5		84	KH-THAC	Russian
9	PHAN VAN NGO	RP1	43-45	3	19		55	YTE	Vietnamese
10	NG. THE HANH	RP1	33	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
11	KAZAKOV	RP1	35	1	7		82	KH-THAC	Russian
12	KHALIMOV	RP1	36	1	13	20	86	KH-THAC	Russian
13	NGUYEN VIET THANH	RP1					71	KH-THAC	Vietnamese
14	LE ĐỨC THIÊN	RP1	41	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUANG TUNG	RP1					65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN MINH HIEU	RP1	31-32	2	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LE DINH THANG	RP1	40	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TAM	RP1	42	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	VU ĐINH HOAN	RP1	38	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN CONG TOAN	RP1	37	1	9		86	KH-THAC	Vietnamese
21	VU QUY HOANG	RP1	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TUONG ANH CAC	RP1					63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	7	9	48	520	5	6		
2	RP1	15	15	100	1.085	20	16		
TOTAL		22	24	148	1.605	25	22		
WEIGHT KG				148	1.605	25			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2018	TO: PPD - JS2 - CLO - RP2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Luy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH CƯỜNG	PPD	87-88	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
2	HA QUANG HUY	PPD	89-90	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ ANH TUẤN	PPD	83-84	2	17		63	CODIEN	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	PPD	82	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUY	PPD	85	1	7		60	CODIEN	Vietnamese
6	PHẠM HUYNH CƯỜNG	PPD	86	1	14		80	CODIEN	Vietnamese
7	TÔNG TRỌNG TÂM	PPD	79	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
8	TRỊNH XUÂN TÍNH	PPD	80-81	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐẠI HẢI	PPD	72-73	2	10		72	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	PPD	74-75	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN ĐĂNG	PPD	77-78	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN NAM	PPD	76	1	5		80	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG BAO	CLO	96	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	99	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG BẰNG	CLO	95	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ VĂN ĐĂNG	CLO	93-94	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	92	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN MINH TUẤN	CLO	700	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
19	TÔ QUANG TUẤN	CLO	400	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN BAN	RP2	28	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	GARIBEKOV M. K	RP2	27	1	10	60	100	KH-THAC	Russian
22	TRẦN THIỆN THANH	RP2	29	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	12	19	156	849	0	0	12	CHUYEN 01 PAX TU PPD SANG JS2
2	JS2	0	0	0	0	0	0		
3	CLO	7	8	57	490	0	14		
4	RP2	3	3	22	270	60	8		
TOTAL		22	30	235	1.609	60	22		
WEIGHT KG				235	1.609	60			

GRAND TOAL: 1.904 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2018	TO: RC5 - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - MQUAN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN KHUONG	RC5	14	1	5		80	ĐK VIỆT N	Vietnamese
2	ZELENSKY	RC5	17	1	10		82	KH-THAC	Russian
3	TRAN NAM THANG	RC5	15	1	6		102	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VAN NINH	RC5				106	77	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN CUC	RC5	18-19	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC LINH	RC5	12	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG TI	RC5	16	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN HUAN	RC5	13	1	4		71	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC ANH	RP2	07	1	5		77	DK9	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC VINH	RP2	10	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	09	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	VU ANH TUNG	RP2	05	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CUONG	RP2	13	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO VĂN TUAN	RP2	08	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐANG XUAN KHOA	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ ĐỨC LONG	RP2	03	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH LUAN	RP2	06	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN DAT	RP2	04	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HOANG	RP2	01	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH DUY	RP2	14	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	11-12	2	12		59	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VIET HUNG	RP2	02	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	8	8	57	636	106	8		
2	RP2	14	14	76	963	0	14		
TOTAL		22	22	133	1.599	106	22		
WEIGHT KG				133	1.599	106			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2018	TO: BK10 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HỒI - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	BK10	67	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN QUANG VŨ	BK10	39	1	13		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THÀNH TRUNG	BK10	71	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VIỆT HUAN	BK10	68	1	12	105	66	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM ĐẠI NHÂN	BK10	70	1	9		75	NIPI	Vietnamese
6	VƯƠNG VĂN THÔNG	RP3	69-71	3	13		66	YTE	Vietnamese
7	ĐỖ QUANG HÙNG *TT	RP3	63	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN SƠN	RP3	73	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ANH *CĐ	RP3	59	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN HÒA	RP3	61	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG VŨ	RP3					75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANHTRUNG	RP3	60	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN DOAN THANH *CĐ	RP3	67	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	62	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG THE DUNG	RP3	58	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM QUANG TRUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG XUAN HUNG	RP3	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TŨ THẮNG *CĐ	RP3	56-57	2	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH DƯƠNG *TT	RP3	65	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC HUY	RP3	68	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	64	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	72	1	4	15	77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	5	5	56	360	105	0		
2	RP3	17	18	77	1.152	15	20		
TOTAL		22	23	133	1.512	120	20		
WEIGHT KG				133	1.512	120			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2018	TO: RP2	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - Luy	ETA: 13:10
xanh-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÀNG VĂN ĐỨC	RP2	22	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN THAO	RP2	15	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VU QUYEN	RP2	26	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH TUẤN	RP2	17	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	37	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THANH	RP2	33	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ QUANG LUYỆN	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ DUY QUYÊN	RP2	23	1	6	35	60	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀN TRÍCH GIANG	RP2	24	1	15	15	60	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM THẾ TRƯỞNG	RP2	18-19	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN QUÝ HẢI	RP2	20-21	2	17		92	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HÙNG	RP2	25	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ NGỌC CƯỜNG	RP2	27-28	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH HÙNG	RP2	30	1	17		75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN QUAN	RP2	29	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	RP2	32	1	10		60	GETRACO	Vietnamese
17	TRẦN VĂN VIỆT B	RP2	34	1	5		72	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYEN NAM SON	RP2	40	1	10		75	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYỄN CẢNH HIỀN	RP2	36	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
20	DO VAN QUYET	RP2	16	1	5		70	H-DONG	Vietnamese
21	LÊ HỮU THI	RP2	38-39	2	10		75	GETRACO	Vietnamese
22	BUI VAN QUAN	RP2	35	1	3		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	25	201	1.478	50	22		
TOTAL		22	25	201	1.478	50	22		
WEIGHT KG				201	1.478	50			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2018	TO: RP1 - RC6	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Dũng - LBình - MQUÂN	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN KHAC HONG	RP1	52	1	10	10	70	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG DINH BA	RP1	54	1	3	13	59	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG LOC	RP1	53	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC PHONG	RP1	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LE HUNG CUONG	RP1					79	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN THUY	RP1	51	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
7	LE MANH HUNG	RP1	55	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN THANH CONG	RP1					57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	58	1	10		89	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG THE ANH	RP1	57	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TAO QUANG NGAN	RP1					65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THE VU	RP1	59	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM HUYNH VU	RC6	34	1	12	47	71	KH-THAC	Vietnamese
14	DANG TRONG BAI	RC6	35	1	12	75	72	KH-THAC	Vietnamese
15	LE HONG LINH	RC6	31	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM HONG PHONG	RC6	32	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC HUNG	RC6	37	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN MINH THI	RC6	36	1	5		110	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN TUNG	RC6	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN TRUNG	RC6	38	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN TRUONG	RC6	56	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
22	KIEU MINH QUYET	RC6	29-30	2	19		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	12	9	53	827	23	10		
2	RC6	10	11	89	741	122	12		
TOTAL		22	20	142	1.568	145	22		
WEIGHT KG				142	1.568	145			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2018	TO: TTC3 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HỒI - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MINH TÂM	TTC3	03	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
2	GLYBOVSKI ANATOLI	TTC3	02	1	7		84	KH-THAC	Russian
3	TRẦN ANH KHOA	TTC3	08	1	6	9	82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THỂ HỒI	TTC3	01	1	4	35	60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH QUÊ	TTC3	04	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TUẤN ANH	TTC3	10	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH LỢI	TTC3	06	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
8	TÀ TRUNG DŨNG	TTC3	07	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN TUẤN DƯƠNG	TTC3	05	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU ĐỨC MŨI	RP3	79	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TỬ HAI *CD	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN KHIÊM HIẾU	RP3	83	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TRỌNG LĨNH	RP3	77	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	RP3	82	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯỜNG VĂN THƯƠNG	RP3					63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	81	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN HIÊN *CD	RP3	78	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẦN VĂN LÝ	RP3	76	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
19	LẠI VĂN MINH	RP3	80	1	4		57	KHI	Vietnamese
20	TÀ PHI KHÁNH	RP3					65	KHI	Vietnamese
21	ĐỖ XUÂN LỢI	RP3				94	77	PVGAS	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	84-86	3	15		58	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	9	9	55	675	44	0		
2	RP3	13	11	60	875	94	13		
TOTAL		22	20	115	1.550	138	13		
WEIGHT KG				115	1.550	138			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+JS2+CIO	7:25	10+10+0	0+0+0		6+11+5	0+0+0	
2		CIO	7:25	21	0		22	0	
3		TD5+TD1	9:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
4		BK14+JS2	9:25	6+7	0+0		0+21	0+0	
5		TD2+P3+P5	11:25	18+2+2	0+0+0		18+0+3	0+0+0	
6		PVD2	11:25	22	0		22	0	
7		PVD2+TD1	13:25	12+8	0+0		13+9	0+0	

TTBDSX





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2018	TO: BK6 - JS2 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN HAI	BK6	39	1	12		57	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG VAN DUNG	BK6	41	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
3	VO TIEN PHAT	BK6	45-46	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
4	LE QUY BUONG	BK6	42	1	17	50	62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC QUANG	BK6	40	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
6	DO TRONG LUONG	BK6	22-23	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM NGOC HOA	BK6	43-44	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN DUNG	BK6	49-50	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN HOAN	BK6	47	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN LUC	BK6	48	1	10		90	PSV	Vietnamese
11	CLIFFORD FERNANDES ARCANJO	JS2	49	1	12		88	KHOAN	Indian
12	LYNDON TRINIDADE RAYMOND	JS2	48	1	10		74	KHOAN	Indian
13	EDWIN PINTO	JS2	47	1	8		115	KHOAN	Indian
14	TRAN VAN KHANH	JS2	39	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	TRUONG TIN	JS2	52	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DINH HUNG	JS2	50-51	2	12		60	KHOAN	Vietnamese
17	DANG KHAC DUONG	JS2	40-41	2	15		77	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG TANG	JS2	42	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN QUY	JS2	45-46	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
20	HA DUC KHANH	JS2	43-44	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	10	14	139	687	50	6		
2	JS2	10	14	107	776	0	2		
3	CLO	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	28	246	1.463	50	22		
WEIGHT KG				246	1.463	50			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2018	TO: CLO	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - TTrung - HUY	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOROBIEV S.L	CLO	48	1	2		95	KHOAN	Russian
2	DATSKO P.D	CLO	49	1	9	20	105	KHOAN	Russian
3	TRINH DUY THANH	CLO	34	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN TRUNG THANH	CLO	35	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LOC	CLO	46	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN SINH	CLO	44	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
7	VU NGOC LUAN	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
8	MAI VAN HOI	CLO					73	KHOAN	Vietnamese
9	CHU DUC AI	CLO	36	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG THAI ANH	CLO	33	1	2		79	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM NAM HAI	CLO	47	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG DINH DUNG	CLO	37	1	2		74	PSV	Vietnamese
13	DUONG VAN THACH	CLO	39	1	4		70	PSV	Vietnamese
14	TRAN VAN HAU	CLO	51	1	5		52	PSV	Vietnamese
15	LUU VAN TRONG	CLO	40	1	2		56	PSV	Vietnamese
16	HOANG HUU THO	CLO	41	1	3		75	PSV	Vietnamese
17	LE PHUOC DUC	CLO	45	1	2		70	PSV	Vietnamese
18	DUONG VAN THU	CLO	42	1	2		65	PSV	Vietnamese
19	LE VAN HUNG	CLO	38	1	2		60	PSV	Vietnamese
20	PHAN MINH TUAN	CLO	43	1	2		74	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN THANH SON	CLO	32	1	7		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	21	19	77	1.560	20	22		
	TOTAL	21	19	77	1.560	20	22		
	WEIGHT KG			77	1.560	20			

GRAND TOAL: 1.657 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2018	TO: TD5 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Phong - TTrung - HUY	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ANH HIEU	TD5	83	1	15	45	58	NHA THAU	Vietnamese
2	TONG VAN THE	TD5	04	1	6		72	NHA THAU	Vietnamese
3	KEVIN PAMI PRADANA	TD5	84-85	2	20		79	NHA THAU	Indonesian
4	NGUYEN NGOC AN	TD5	31	1	12	27	75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGO DUC THUAN	TD5	30	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
6	ZHIGALO	TD1	04	1	10		105	KHOAN	Russian
7	PHAM HOA VIET	TD1	10-11	2	9		69	YTE	Vietnamese
8	TRUONG HOANG KHANH	TD1	05	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM CONG TIEN	TD1	200	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DANH QUY	TD1					71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TUAN	TD1	15	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN HOAN	TD1	12	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VAN THUONG	TD1	09	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VAN DUY	TD1	13	1	4	21	61	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG THANG	TD1					50	KHOAN	Vietnamese
16	HUYNH HUU HUNG	TD1	03	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN LAM GIANG	TD1	08	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
18	VU DINH PHONG	TD1	14	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN VAN NGHIA	TD1	07	1	12		85	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HUNG DUNG	TD1	06	1	9		76	DVL	Vietnamese
21	BUI TUAN THANH	TD1	02	1	6		56	PSV	Vietnamese
22	DANG VAN MINH	TD1					70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	5	6	60	344	72	5		
2	TD1	17	15	78	1.212	21	17		
TOTAL		22	21	138	1.556	93	22		
WEIGHT KG				138	1.556	93			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2018	TO: BK14 - JS2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - Hanh - THU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN DAM	BK14	03	1	7		74	DVL	Vietnamese
2	DOAN PHUC HOANG	BK14	06	1	10		72	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN HAI DANG	BK14	05	1	14		80	DVL	Vietnamese
4	VU CHI THANH	BK14	13	1	10	20	72	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN TUAN ANH	BK14	04	1	10		65	DVL	Vietnamese
6	PHAN THIEN SON	BK14	11-12	2	15		60	DVL	Vietnamese
7	KURNHETSOV	JS2	28	1	7		90	KHOAN	Russian
8	DANG VAN NHA	JS2	10-11	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG DONG	JS2	06	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN VAN MANH	JS2	08	1	5	160	70	KHOAN	Vietnamese
11	LE DINH DAN	JS2	09	1	10	70	60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC LANG	JS2	07	1	12	20	65	T-TIN	Vietnamese
13	DO VINH TUY	JS2	12	1	7		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	6	7	66	423	20	0		THAO 01 GHE DOI CHO HANG
2	JS2	7	8	61	487	250	20		
TOTAL		13	15	127	910	270	20		
WEIGHT KG				127	910	270			

GRAND TOAL: 1.307 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2018	TO: TD2 - P3 - P5	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Khang - TUYEN - NNam	ETA: 13:30
Xanh-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO XUÂN VANG	TD2					87	KHOAN	Vietnamese
2	SMIRNOV V.S	TD2	07	1	5	125	91	KHOAN	Russian
3	HOANG VAN KHAI	TD2	12	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
4	BUI THỌ DUONG	TD2	15	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH QUỐC KHANH	TD2	08	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH VĂN HUAN	TD2	06	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN VĂN DIỆP	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁC HA TRUNG	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN UYÊN	TD2	10	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC KHANH	TD2	16	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM THÈ CHUYỀN	TD2	19	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	14	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG THỰC	TD2	09	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ VĂN THUY	TD2	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ BA THUẬN	TD2	17	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ NGỌC TŨ	TD2	13	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VĂN TÂM	TD2	20	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN AN NINH	TD2	18	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO VIỆT LONG	P3	72	1	5		60	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	P3	73-74	2	15		63	CODIEN	Vietnamese
21	ĐINH VĂN THIÊN	P5	51,54	2	17		59	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ HUY	P5	55-56	2	16		57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	15	100	1.319	125	18		
2	P3	2	3	20	123	0	0		
3	P5	2	4	33	116	0	3		
TOTAL		22	22	153	1.558	125	21		
WEIGHT KG				153	1.558	125			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2018	TO: TD1 - PVD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Khang - TUYEN - Nnam	ETA: 15:40
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐANG THẾ THANH	TD1					58	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	TD1	43	1	5		76	PSV	Vietnamese
3	ĐOÀN ĐÌNH TU	TD1	45	1	3		65	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1					53	PSV	Vietnamese
5	LE XUAN TINH	TD1					75	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN TÀI	TD1	46	1	7		64	PSV	Vietnamese
7	ĐINH KHẮC THẠCH	TD1					57	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN BA HÙNG	TD1	44	1	10		52	PSV	Vietnamese
9	VU THE HUNG	TD1	50	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN MANH HUNG	TD1	47-49	3	20		62	COKHI	Vietnamese
11	LY XUAN TONG	PVD2	43	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG CONG DUNG	PVD2	59-60.	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
13	LE HO VU	PVD2	48	1	8		87	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN BAO	PVD2	44-45	2	9		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGO TRUONG SON	PVD2	50-51	2	10		50	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN BÈ BA	PVD2	49	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THANH	PVD2	46	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRẦN BẢO LINH	PVD2	47	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
19	VU HUY HUNG	PVD2	58	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
20	HO ANH TRANG	PVD2	52	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
21	HO HUU QUOC NAM	PVD2	55	1	10	67	77	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN NAM HAI	PVD2	61	1	10		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	10	8	55	622	0	9		
2	PVD2	12	15	105	824	67	13		
TOTAL		22	23	160	1.446	67	22		
WEIGHT KG				160	1.446	67			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/04/2018

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

STT	NOMBAY	Đường bay	Giờ bay	Đi			Về			Ghi chú
				Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	
1		TD5+RP3+RP1	7:25	22+0+0	0+0+0		17+2+1	0+0+0		CHUYỂN 2 PAX TỪ RP3-RP1
2		BK8+CTK3+VSP01	7:25	6+4+12	0+0+0		5+3+14	0+0+0		
3		TTC3+TD2	7:25	6+16	0+0		6+16	0+0		
4		P6+PPD	7:25	19+3	0+0		15+7	0+0		
5		P8+TGTH4	9:25	19+3	0+0		18+3	0+0		
6		MRM+TTC2+P8	9:25	10+6+6	0+0+0		9+5+6	0+0+0		CHUYỂN 1 PAX TỪ TTC2-P8
7		AMD+TGTH5	9:25	19+3	0+0		19+3	0+0		
8		TD3+TTC1	9:25	16+6	0+0		13+5	0+0		
9		TD1+VSP01	11:25	3+19	0+0		0+20	0+0		
10		RP2+RCDM+P6	11:25	11+0+9	0+0+0		4+3+15	0+0+0		CHUYỂN 1 PAX TỪ RP2-P6
11		AMD+TTC3+PPD	11:25	13+8+0	0+0+0		7+9+6	0+0+0		

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/TTC3 - 3 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY.
2/3 NGƯỜI XNXL ĐI BK8 QUA ĐIỂM TD5



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2018	TO: TD5 - RP3 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO QUANG MINH	TD5	72	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
2	LƯU VĂN PHONG	TD5	400	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ THANH LAM	TD5					66	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN SY LỆ	TD5	92	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG XUAN THI	TD5	70	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC LINH	TD5	71	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
7	NGO QUỐC BAO	TD5	76	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
8	PHAAM XUAN HAI	TD5	98	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ VĂN TIẾN	TD5	99	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	93	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ VINH CUƠNG	TD5	75	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT DÙNG	TD5	97	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN ĐIỀU	TD5	69	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TẤN BÌNH	TD5	94	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGO VĂN SƠN	TD5	96	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ TRẦN TRUNG	TD5	95	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG VĂN LỢI	TD5	65-66	2	20		70	NHA THAU	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD5	10	1	4		59	D-HANH	Vietnamese
19	TẠ HOÀI TRĂNG	TD5	67	1	5		73	ANTOAN	Vietnamese
20	KIEU HAI DUONG	TD5	68	1	12		61	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN MINH TÀI	TD5	74	1	6		67	XAYLAP	Vietnamese
22	LÂM QUANG QUY	TD5	73	1	17		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	22	137	1.540	0	17		CHUYEN 2 PAX TU RP3 SANG RP1
2	RP3	0	0	0	0	0	2		
3	RP1	0	0	0	0	10	1		
TOTAL		22	22	137	1.540	10	20		
WEIGHT KG				137	1.540	10			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Apr-18	TO: BK8 - CTK3 - VSP01	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TTrung - Vũ	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THE QUANG	BK8	12	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MINH SANG	BK8	08	1	10	40	82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC KHOI	BK8	13	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU NAM	BK8	14	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN DUAN	BK8	09	1	16		72	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN DUC LOI	BK8	10-11	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
7	QUAN DUC THANG	CTK3	38	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
8	KYREEV	CTK3	40	1	5	20	90	D-HANH	Russian
9	NGUYEN QUANG VINH	CTK3	39	1	5		78	D-HANH	Vietnamese
10	TRAN NGOC BINH	CTK3	37	1	5		70	SBAY	Vietnamese
11	THIRUVENKETAM JANARTHANAN	VSP01	83-84	2	17		82	ALFALAVA	Indian
12	PASKEVICH V.V.	VSP01	81	1	10		100	KH-THAC	Russian
13	VU NGUYEN TRUNG	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
14	VO VAN SINH	VSP01	80	1	5		70	YTE	Vietnamese
15	TRUONG THANH PHU	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN BAC HA	VSP01	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NG VAN MIT	VSP01	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	GURIN V.V.	VSP01	76	1	5		90	KH-THAC	Russian
19	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN DUY BINH	VSP01	86	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DUC THONG	VSP01	77-78	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG LONG	VSP01	82	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	6	7	70	411	40	5		
2	CTK3	4	4	20	308	20	3		
3	VSP01	12	11	72	937	0	14		
TOTAL		22	22	162	1.656	60	22		
WEIGHT KG				162	1.656	60			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2018	TO: TTC3 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU MINH HUNG	TTC3				20	82	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN THANG	TTC3	14	1	3		52	D-HANH	Vietnamese
3	NHAM DIEN BIEN	TTC3					65	D-HANH	Vietnamese
4	BACH ANH TUAN	TTC3	15	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ TIEN DUNG	TTC3	16	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN TRỌNG HIEU	TTC3	21	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
7	VU MẠNH THANG	TD2	58-59	2	10		73	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN NGHIA	TD2	46	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGOC DUNG	TD2	53	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH ANH	TD2	54	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
11	NHAM ĐỨC QUANG	TD2	52	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN ĐỨC DỤC	TD2	55	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN MẠNH CƯỜNG	TD2	47	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH BINH	TD2	51	1	4	90	78	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM THANH GIANG	TD2	49	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO BA NAM	TD2	50	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MẠNH CƯỜNG	TD2	48	1	8		52	KHOAN	Vietnamese
18	SVIATOKHO	TD2	61	1	8		86	NIPI	Russian
19	ISATOV	TD2	62	1	6		92	NIPI	Russian
20	TRAN ANH ĐỨC	TD2	57	1	4		62	GETRACO	Vietnamese
21	PHAN VAN HẬU	TD2	56	1	3		68	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	6	4	13	399	20	6		
2	TD2	15	16	86	1.085	90	16		
TOTAL		21	20	99	1.484	110	22		
WEIGHT KG				99	1.484	110			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2018	TO: P6 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Phong - CHIẾN - PTUẤN	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P6	78-79	2	7		77	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ ĐÌNH TỰ	P6	83	1	6		65	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÀI	P6	71	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
4	VU ĐÌNH SỸ	P6	81-82	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	73	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NIKITIN	P6	77	1	10		87	KH-THAC	Russian
7	TRẦN VĂN KHUÔNG	P6	84	1	7	60	74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN CỬ	P6	70	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ THANH ĐO	P6	75	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	68	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THIN	P6	69	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN QUANG	P6	64	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG	P6	74	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO KIM SÂM	P6	72	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
15	LAM VĂN KHUÔNG	P6	76	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO HOÀNG TRỌNG	P6	80	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI THỨC PHỤC	P6	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HUY THÔNG	P6	66	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÔNG XUÂN PHỤ	P6	67	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
20	CHERNIADEV	PPD	82	1	5		67	D-HANH	Russian
21	MISHIN	PPD	81	1	6		108	D-HANH	Russian
22	NGUYỄN QUANG THĂNG	PPD					75	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	19	21	130	1.310	60	15		
2	PPD	3	2	11	250	0	7		
TOTAL		22	23	141	1.560	60	22		
WEIGHT KG				141	1.560	60			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2018	TO: P8 - TGTH4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH TAM	P8	50	1	10	45	69	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN VAN QUY	P8	25	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH CHANH PHAT	P8	24	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	LE QUANG HIEN	P8					74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN QUOC VIET	P8	20	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TUAN ANH	P8					70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIET KHA	P8	47	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LUONG VAN QUYET	P8	01	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ANH ĐỨC	P8	99	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
10	LE VAN TAN	P8	18	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TRUONG SA	P8	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	CAO ĐANG VIEN	P8	46	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
13	OVCHARENKO A	P8	19	1	2		89	KH-THAC	Russian
14	NGUYEN HUU DUNG	P8	48	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN DUNG	P8	23	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ĐỨC HÙNG	P8	21	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN THANH HOANG	P8	600	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
18	LE HUY MANH	P8	49	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG TIEN	P8	22	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHUNG MINH HAI	TGTH4	65	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DINH	TGTH4	66	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM THANH HUNG	TGTH4	67	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	19	17	79	1.315	45	18		
2	TGTH4	3	3	23	192	0	3		
TOTAL		22	20	102	1.507	45	21		
WEIGHT KG				102	1.507	45			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2018	TO: MRM - TTC2 - P8	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TTrung - Vũ	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVUDOV DANIL	MRM	13	1	12		70	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	12	1	12		90	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM HOANG GIANG	MRM	09-11	3	17		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC HUNG	MRM	05	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
5	LUONG MANH HAI	MRM	07	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG TRỌNG THỨC	MRM	03-04	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG THE ĐUC	MRM	06	1	10		60	DVL	Vietnamese
8	VU HAI THANG	MRM	08	1	12		70	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN MANH TRUONG	MRM	02	1	12		78	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN VINH KHA	MRM	01	1	5		70	DVL	Vietnamese
11	HOANG NGUYEN HUY NGUYEN	TTC2	04-05	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO NGUYEN HONG THANH	TTC2	98	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VAN THUC	TTC2	97	1	5	60	70	KH-THAC	Vietnamese
14	VU TUAN ANH	TTC2	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	96,07	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	03	1	5		75	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HAI	P8	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN QUANG	P8	52	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG TRUNG HAU	P8	54	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH VINH	P8	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TIKHONOV A.N.	P8	51	1	8		92	KH-THAC	Russian
22	NGUYEN NGOC TUAN	P8	56-57	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	13	117	735	0	9		CHUYEN 1 PAX TTC2 SANG P8
2	TTC2	6	8	41	422	60	5		
3	P8	6	7	37	439	0	6		
TOTAL		22	28	195	1.596	60	20		
WEIGHT KG				195	1.596	60			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2018	TO: AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - MQUÂN	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUAN TAO	AMD	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRAN ĐỨC MINH	AMD	19	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH VAN PHA	AMD	22	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC THU	AMD	24-25	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VO XUAN HA	AMD	14	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HOANG	AMD	28	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
7	LE TRI TRUNG	AMD	13	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TAN	AMD	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN DINH HIEU	AMD	16	1	5	90	75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐAO ĐỨC HUY	AMD	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC HẬU	AMD	12	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM ANH NGŨ	AMD	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOAN VAN DUNG	AMD	26	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG HO NGHIA	AMD	27	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN GIANG	AMD	17	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN LAM	AMD	23	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LE THANH TAN	AMD	08-09	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
18	THAN CANH THINH	AMD	10-11	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN MINH KIEN	TGTH5	60-61	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LE THANH HUNG	TGTH5	58-59	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VAN HUONG	TGTH5	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	21	114	1.258	90	19		
2	TGTH5	3	5	32	205	0	3		
TOTAL		21	26	146	1.463	90	22		
WEIGHT KG				146	1.463	90			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2018	TO: TTC1 - TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Phong - CHIÊN - PTUẤN	ETA: 11:40
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN ĐOÀ	TTC1	08	1	5	60	60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG TUYẾN	TTC1	10	1	2	22	75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	13	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	14	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN QUYNH	TTC1					70	GETRACO	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN VIỆT	TTC1	09	1	12		85	DK9	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	TD3	22-23	2	9		73	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	29	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	30	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	34	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3	28	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD3	26	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VĂN KHUONG	TD3					85	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC DUNG	TD3	27	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÀO NGUYỄN DU MẠC	TD3	25	1	11		57	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TD3				25	73	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ SỸ HÙNG	TD3	31	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	24	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG TRẦN LONG	TD3	33	1	6	17	54	NHA THAU	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LUẬN	TD3	39-40	2	11		56	NHA THAU	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN HÙNG	TD3	41-42	2	12		75	NHA THAU	Vietnamese
22	NGUYỄN LAM THĂNG	TD3	38	1	5		90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	6	5	27	447	82	5		
2	TD3	16	17	91	1.111	42	17		
TOTAL		22	22	118	1.558	124	22		
WEIGHT KG				118	1.558	124			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2018	TO: TD1 - VSP01	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - DTùng	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CÔNG HA	TD1	20-21	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD1	18-19	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	LE HỮU HẬU	TD1	17	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
4	HUYNH TRỌNG KIM	VSP01	13	1	10	20	74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	20	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA BANG	VSP01	08	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH VĂN THƠN	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO XUAN ĐỨC	VSP01	11	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG NAM	VSP01	16	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN THUY	VSP01					83	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THƯỢNG HAI	VSP01	09	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	10	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	04	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NGUYỄN QUANG	VSP01	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN VIỆT ĐĂNG	VSP01	15	1	4	16	68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TÂN HẬU	VSP01					61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	14	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	07	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	05-06	2	9		59	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN LỢI	VSP01	02-03	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
22	ROGINSKY	VSP01	12	1	12		104	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	3	5	30	221	0	1		
2	VSP01	19	17	85	1.340	36	20		
TOTAL		22	22	115	1.561	36	21		
WEIGHT KG				115	1.561	36			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Apr-18	TO: RP2 - RCDM - P6	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - QViệt - Vũ	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU TIEN	RP2	66,75	2	15		65	H-DONG	Vietnamese
2	TRAN TRUNG HIEP	RP2	73	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC MẠNH	RP2	74	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG THANH TUAN	RP2	78	1	7		72	TECMACH	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TAI	RP2	79	1	5	40	72	TECMACH	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TRUNG	RP2	83-84	2	10		65	TECMACH	Vietnamese
7	NGUYEN ANH TUAN	RP2	76	1	7		74	TECMACH	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG HAU	RP2	85	1	9		66	TECMACH	Vietnamese
9	TRINH PHAM THANH	RP2	77	1	5		60	TECMACH	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BAU	RP2	70	1	5		62	ANTOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN KHANH	RP2	71-72	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH YẾN	RP2	67-69	3	15		60	KH-THAC	Vietnamese
13	VU TRONG TU	RP2	84-85	2	10		60	H-DONG	Vietnamese
14	NGO VAN SANG	P6	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VU ĐỨC DUNG	P6	47	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VIET THUAN	P6	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ĐÌNH TRỌNG	P6	43	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	MAKAROV O.V	P6	41	1	17	20	90	KH-THAC	Russian
19	ĐO CÔNG MINH	P6	49	1	3		68	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC DOANH	P6	48	1	4		78	GETRACO	Vietnamese
21	TRẦN VĂN VIỆT A	P6	50	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC SON	P6	46	1	12		80	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	13	19	118	860	40	41		CHUYEN 1 PAX RP2 SANG P6
2	RCDM	0	0	0	0	35	3		
3	P6	9	9	66	678	20	15		
TOTAL		22	28	184	1.538	95	22		
WEIGHT KG				184	1.538	95			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/04/2018	TO: AMD - TTC3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hôi - MMinh - MQUÂN	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MẠNH HÀ	AMD	39	1	8		89	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ XUÂN TUẤN	AMD	35-36	2	13		57	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LUÔNG	AMD	37	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	DUÔNG VĂN TUYẾN	AMD	45-46	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU VĂN HẢO	AMD	41	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC QUÂN	AMD	43	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TU QUỐC PHÁT	AMD	42	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	CU XUÂN HUY	AMD	40	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐẠI NGHĨA	AMD	44	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
10	KIỀU VĂN TUẤN	AMD	38	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
11	MARIANO GONZALEZ GARCIA	AMD	47-48	2	12		82	KH-THAC	Spanish
12	HY TẠC SANG	AMD	49	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TŨ	AMD	34	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐẠI THANH	TTC3	33	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN KHOA	TTC3	31	1	11	40	70	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ VĂN CẢNH	TTC3	34	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠM VĂN QUANG	TTC3	22-23	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ANH QUANG	TTC3	35-36	2	17		75	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN HẢI QUÂN	TTC3	30	1	8		64	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH SŨ	TTC3	24	1	3		69	PSV	Vietnamese
21	PHẠM VĂN AN	TTC3	32	1	5		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	16	108	914	0	7		
2	TTC3	8	10	69	531	40	9		
3	PPD	0	0	0	0	33	6		
TOTAL		21	26	177	1.445	73	22		
WEIGHT KG				177	1.445	73			

GRAND TOTAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN